

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 28 - 2 - 2024  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Long. Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐHPT- HNGĐ ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị O; Sinh năm 1981. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Duy P; Sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T 1 xã T, huyện T, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Đoàn Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh P tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/1997, tại UBND thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm



nhau. Từ năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, vợ chồng mỗi người ở riêng một phòng, cắt đứt mọi quan hệ sinh lý từ đó cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Duy A , sinh ngày 10/11/1998 và cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 20/3/2005. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa Bị đơn là anh Đỗ Duy P vắng mặt. Tại Bản tự khai anh Đỗ Duy P trình bày:

Về hôn nhân: Tôi là Đỗ Duy P, sinh ngày 19/3/1976. Nơi ở: Thôn T 1 xã T, huyện T, tỉnh T. Tôi bị bệnh xương khớp không đi lại và làm việc được, không giúp cho gia đình nên bị vợ làm đơn ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn. Kính mong pháp luật và những người có Thẩm quyền xem xét.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Duy A , sinh ngày 10/11/1998 và cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 20/3/2005. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng có 200m<sup>2</sup> đất cha mẹ để cho và 60m<sup>2</sup> nhà ở, bếp và nhà vệ sinh nay nhờ Tòa chia tài sản.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147, Điều 271; Điều 273; Điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị O và anh Đỗ Duy P; Về án phí dân sự: Chị O phải chịu án phí DSST là 300.000đ; Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đoàn Thị O khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Đỗ Duy P có địa chỉ: Thôn T 1 xã T, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị O và anh Đỗ Duy P là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng cắt đứt quan hệ sinh lý với nhau từ năm 2022 đến nay, chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Duy A , sinh ngày 10/11/1998 và cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 20/3/2005. Các con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu về phân tài sản; Tại Bản tự khai Bị đơn yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải và hướng dẫn làm đơn yêu cầu chia tài sản nhưng Bị đơn đều vắng mặt nên không hòa giải được. Bị đơn không làm Đơn yêu cầu chia tài sản chung và không nộp án phí nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị O phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 3 điều 228; Khoản 4 điều 147; Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5



điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Xét xử vắng mặt Bị đơn là anh Đỗ Duy P.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là chị Đoàn Thị O

Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị O được ly hôn với anh Đỗ Duy P.

Về án phí: Buộc chị Đoàn Thị O phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0016301 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- Các DS
- UBND thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**